

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HS-ST
Ngày 11-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trung Thành.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Cao và bà Nguyễn Thùy Hương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Ông Lưu Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/HSST ngày 22/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/HSST-QĐ ngày 28/4/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn C; sinh ngày 15 tháng 4 năm 1982 tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn E, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H; có vợ Nguyễn Thị H và 02 con (*lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2019*); 01 tiền án: Tại bản án số 03/2019/HS-ST ngày 22/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 30/12/2011 bị TAND huyện Bố Trạch xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 22/02/2019 bị TAND huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; bị bắt tạm giam từ ngày 30/12/2020 cho đến ngày 05/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. *Có mặt*

- *Bị hại:* Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình. *Vắng mặt*

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 30/5/2020, chị Trần Thị Thu T điều khiển mô tô nhãn hiệu Honda vision màu xanh, BKS 73D1 - 078.70 từ TP. Đồng Hới đến nhà mẹ chồng là bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ C). Khi đến trước nhà bà H, T dừng xe ngoài đường và gọi to để con chị T đi ra, lúc này Nguyễn C nghe tiếng gọi nên đi ra thì thấy chị T. Do có mâu thuẫn từ trước về việc chị T nhiều lần đón con mà không nói gì với gia đình của C, cho nên khi thấy chị T, C nói “Mi là con người hay con chi”, lúc này bà H đi ra nói với T “Mi đi đi Thương”. Vì thấy T không đi nên C hỏi “Mi lên đây làm chi con tê”, T gắt giọng nói “Cút ra”. Vì bức tức nên C nhặt 01 thanh gỗ dài khoảng 60 cm, bản rộng 04 cm đập 03 phát vào phía đầu xe và hai bên đèn xi nhan phía trước của xe làm các bộ phận hộp đèn xi nhan trái, hộp đèn xi nhan phải, cụm đèn pha, đầu trước, đầu sau, mặt nạ, mang xe trái, phải bị hư hỏng.

Theo Kết luận định giá tài sản tang vật vụ án số: 75/KL-HĐĐGTS ngày 22/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Các bộ phận tài sản bị hư hỏng của xe mô tô nhãn hiệu Honda vision màu xanh, BKS 73D1 - 078.70 của chị Trần Thị Thu T trị giá 3.129.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra C đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị T số tiền 3.279.000 đồng theo thỏa thuận và bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch thu giữ 01 đũa gỗ hình hộp chữ nhật dài 55 cm, bản rộng 4 cm, dày 2,3 cm bị gãy một đầu nhọn; hiện chưa xử lý.

Cáo trạng số: 21/CT-VKSBT ngày 21/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch truy tố Nguyễn Công về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178 BLHS; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 xử phạt bị cáo mức hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Tịch thu tiêu hủy vật chứng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày: Chị T là con dâu tôi lấy em trai của C, nhưng con gái của chị T do bà nuôi dưỡng, chăm nom từ bé. Trong quá trình sinh sống, chị T nhiều lần đến nhà bà để đón con đi chơi, nhưng không vào nhà mà chỉ đứng ngoài đường gọi con ra để chở đi chơi mà không thông báo gì cho gia đình và trước đó chị T đã có lần để con lại ngoài đường quốc lộ để con tự đi vào nhà vào lúc đêm tối, cho nên giữa bà và chị T thường xuyên tranh cãi nhau về việc này. Vào ngày 30/5/2020, chị T tiếp tục lên nhà bà nhưng chỉ đứng ngoài đường gọi con ra mà không thông báo gì cho bà, nên giữa bà và chị T có xảy ra mâu thuẫn, lúc này C mới đi ra và bảo chị T đi về và nói “ai nuôi con cho mà mày mà mày đến đưa đi chơi mà không nói với ai một lời mà giờ còn hỗn hào với mẹ” thì chị T có lời lẽ thách đố, xúc phạm với C nên C mới đập phá xe của T. Toàn bộ sự việc phạm tội của C xuất phát từ mâu thuẫn trong gia đình trong một thời gian dài mà nguyên

nhân chính được xuất phát từ cách cư xử không đúng mực của chị T. Hiện tại, ông bà tuổi đã cao, là người được hưởng chính sách như thương binh nên thường xuyên đau ốm; mọi chuyện sinh hoạt trong cuộc sống thường ngày đều dựa vào vợ chồng C giúp đỡ; bản thân C là lao động chính trong gia đình và hiện có một con đang còn nhỏ. Vì vậy, bà có nguyện vọng xin Hội đồng xét xử xem xét cho C được hưởng mức án nhẹ nhất để C được tự cải tạo, giáo dục tại địa phương và có điều kiện chăm sóc gia đình và phụ giúp ông, bà những khi đau ốm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của mình đã gây ra là vi phạm pháp luật, nên rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét để được hưởng chính sách khoan hồng của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị hại chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tuy nhiên, sự vắng mặt bị hại không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt cũng như trách nhiệm dân sự của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đồng nhất với lời khai trong quá trình điều tra và hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, tang vật bị thu giữ tại, kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định do bức tức trong việc chị T (em dâu của C) nhiều lần đến nhà mẹ đẻ của mình là bà H để chở con mình đi chơi nhưng không thông báo gì cho gia đình C và bản thân C đã nhiều lần nhắc nhở chị T cho nên giữa hai bên đã xảy ra cãi vã và có lời lẽ thách đố lẫn nhau. Trong lúc nóng giận, C đã có hành vi dùng gậy gõ đập phá một số bộ phận ở đầu xe xe mô tô của chị T gây thiệt hại tổng số tiền 3.129.000 đồng.

Với hành vi làm hư hỏng tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản như trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ với lỗi cố ý nhằm thoả mãn sự tức giận của bản thân, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, Cáo trạng của

Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Về nhân thân tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và am hiểu xã hội, pháp luật nhất định; đã bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân trong cuộc sống thường ngày mà còn tiếp tục phạm tội. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới, bị cáo đang còn trong thời gian phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của một bản án khác và tính đến trước thời điểm xét xử vụ án thì bị cáo đã chấp hành xong, nhưng chưa được xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn trong khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại về tài sản cho bị hại theo thỏa thuận; hành vi gây thiệt hại về tài sản không lớn; Bản thân bị cáo có thời gian tham gia Quân ngũ tại Trung đoàn 3, Sư đoàn 327 và có bố, mẹ là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H đều được Nhà nước công nhận là người hưởng chính sách như thương binh. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác, xét thấy nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát do bức tức về cách xử lý không đúng mực của bị hại trong thời gian dài đã gây bức xúc cho bị cáo và gia đình bị cáo, cho nên trong lúc nóng giận đã không kiềm chế được hành vi mà tức thời phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng có một phần lỗi thuộc về người bị hại.

[4] Về hình phạt: Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; hậu quả hành vi phạm tội gây ra không lớn và đã được kịp thời khắc phục, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội xuất phát từ một phần lỗi của người bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa tuyên phạt bị cáo hình phạt tiền là có cơ sở và đã có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 còn quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đến 100.000.000 đồng...*”. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cho nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường thiệt hại đầy đủ cho người bị hại theo thỏa thuận nên không xem xét gì thêm.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đùi gỗ là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, c khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn C phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn C, phạt tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ 01 đui gỗ dài 55 cm; Vật chứng hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch có số lượng, đặc điểm được mô tả như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày ngày 07/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bồ Trạch và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn C phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/5/2021). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trên kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- CA huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- UBND xã L; huyện B, tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành